

Bản án số: 45/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 13-5-2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Ông Phạm Văn Út

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa:

**1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh H**, sinh năm 1996; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã K, huyện B, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn: Anh Lê Hữu T**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp Tích Phúc, xã Khánh Thạnh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

Chị H có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2024 cũng như trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Ánh H trình bày:**

Chị và anh T do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/01/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh Đăng, sinh ngày 13/11/2016. Đến năm 2023 vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T đuổi chị nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh T.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 13/11/2016, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có

***Anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản hoà giải ngày 15/4/2014 như sau:***

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiến đến hôn nhân cũng như con chung, tài sản chung, nợ chung. Chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con, trong thời gian ly thân anh có tìm nhiều biện pháp để hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Theo anh nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng anh thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân. Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không có.

***Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 15/4/2024 cháu Lê Nguyễn Khánh Đ trình bày:*** Hiện cháu đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Đây là ý kiến tự nguyện của cháu không ai ép buộc.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm cho rằng:***

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị H và anh T được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 13/11/2016, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2024 của chị Nguyễn Thị Ánh H đối với anh Lê Hữu T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Lê Hữu T có nơi cư trú tại xã Khánh Thạnh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh T đến để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng chị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị H là phù hợp.

**[2] Về nội dung tranh chấp:**

2.1 Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ánh H và anh Lê Hữu T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2016 tại UBND xã K, huyện B, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ anh T và chị H đã có thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp.

2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Ánh H và anh Lê Hữu T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 13/11/2016. Hiện cháu Đ đang sống với chị H, cháu Đ cũng có nguyện vọng sống cùng chị H đồng thời chị H cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh T đồng ý. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu Đ không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

### **[3] Về án phí:**

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Ánh H phải có nghĩa vụ nộp.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh H đối với anh Lê Hữu T, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh H và anh Lê Hữu T được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Khánh, sinh ngày 13/11/2016, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Lê Hữu T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: Chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

#### **5. Về án phí:**

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Ánh H có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003193 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

**Nơi nhân:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- UBND xã Khánh Thạnh Tân (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị H Diễm**